

Xử lý (g):

DN

Phối hợp:

Các phòng, MXĐD

H/thành:

Chỉ đạo:

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45 /2017/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 07 tháng 11 năm 2017

| | |
|-----|---------------|
| ĐẾN | Số: 240 |
| | Ngày: 8/11/17 |
| | Chuyên: |

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thủ tục thực hiện một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3031/KHĐT-DN ngày 19 tháng 10 năm 2017 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 1877/BC-STP ngày 13/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thủ tục thực hiện một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2017 và thay thế các Quyết định sau đây của UBND tỉnh: Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 về ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư đối với cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh nhà hàng ăn uống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Công Thương, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Lao động, Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Hội doanh nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các

[Signature]

sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;
- Các Bộ, Ngành TW liên quan;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UB Mặt trận TQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo QB, Đài Phát thanh Truyền hình QB;
- Trung tâm Tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hoài

QUY ĐỊNH

**Thủ tục thực hiện một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn
tỉnh Quảng Bình theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND
ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017
của UBND tỉnh Quảng Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục để thực hiện một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Nguyên tắc thanh toán kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ

1. Doanh nghiệp được thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định. Doanh nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ do doanh nghiệp cung cấp. Trường hợp phát hiện hồ sơ kê khai không chính xác, không trung thực, doanh nghiệp phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho ngân sách Nhà nước.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động. Căn cứ khối lượng thực hiện thực tế, UBND tỉnh sẽ hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp theo quy định.

3. Sau khi hoàn thành công trình, nội dung đề nghị hỗ trợ đầu tư, doanh nghiệp tự nghiệm thu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

Chương II
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC
CẤP QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Trường hợp áp dụng

Doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư trừ các trường hợp sau :

1. Các dự án đầu tư đã được phê duyệt hỗ trợ đầu tư tại Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chính sách hỗ trợ đường bay mới quy định tại mục 3 và chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo quy định tại mục 4, Chương II, Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư

Hồ sơ được lập thành 08 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, 07 bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp. Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND, trong đó giải trình rõ lý do và cách tính các khoản kiến nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Quyết định chủ trương đầu tư Dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Thiết kế bản vẽ thi công dự án đầu tư, thuyết minh dự án đầu tư (nếu có).

5. Báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư

1. Doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 5, Quy định này tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tùy thuộc vào nội dung kiến nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

hc

4. Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư:

- a. Sự phù hợp về đối tượng hỗ trợ đầu tư.
- b. Về đáp ứng các điều kiện hỗ trợ đầu tư.
- c. Các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra thực tế các nội dung kiến nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp, trình UBND tỉnh quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư. Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình UBND tỉnh quyết định.

6. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư. Trường hợp từ chối toàn bộ hoặc một phần kiến nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC THANH TOÁN KHOẢN HỖ TRỢ

Mục 1

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, HỖ TRỢ XÂY DỰNG KỸ THUẬT NGOÀI HÀNG RÀO DỰ ÁN, HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG VÀ HỖ TRỢ CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH, CƠ SỞ KINH DOANH NHÀ HÀNG ĂN UỐNG

Điều 7. Hồ sơ đề nghị thanh toán khoản kinh phí hỗ trợ


Hồ sơ được lập thành 08 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, 07 bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp. Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Bản đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư của UBND tỉnh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư dự án, trong đó có nội dung hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

3. Hồ sơ nghiệm thu dự án hoàn thành bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình của Chủ đầu tư, kèm theo Dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán của Chủ đầu tư (nếu có). 

c) Văn bản của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn các công trình lân cận...).

d) Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của cơ quan có thẩm quyền hoặc hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (*đối với hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng*)

e) Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.

f) Giấy phép xây dựng (trừ những trường hợp được miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định)

g) Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).

h) Các Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

i) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/công trình đưa vào sử dụng của Chủ đầu tư.

4. Kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập (*đối với hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ xây dựng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án*).

5. Quyết định công nhận hạng sao của cơ sở lưu trú; quyết định cấp biên hiệu đạt chuẩn phục vụ khách du lịch của cấp có thẩm quyền (*đối với nội dung hỗ trợ đầu tư doanh nghiệp đầu tư cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh nhà hàng ăn uống*).

6. Danh sách đóng bảo hiểm xã hội ít nhất 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin hỗ trợ có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội; phương án đào tạo lao động của doanh nghiệp; kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo; hợp đồng và hồ sơ nghiệm thu thanh lý hợp đồng với cơ sở đào tạo; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp (trường hợp doanh nghiệp tự đào tạo lao động); bản sao Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo (*đối với nội dung hỗ trợ kinh phí đào tạo lao động*).

Điều 8. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 7, Quy định này tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, mời đại diện các sở, ban, ngành, địa phương liên quan và đại diện doanh nghiệp tiến hành kiểm tra, nghiệm thu dự án hoàn thành.

Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng hoàn thành và kiểm tra thực tế việc thực hiện theo quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lập biên bản kiểm tra thực tế công trình, có chữ ký của các đại diện tham gia; mỗi thành viên tham gia kiểm tra được giữ 01 bản, doanh nghiệp được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc Nhà nước.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế khối lượng hoàn thành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh ban hành quyết định bố trí vốn hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

Mục 2

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ MỞ ĐƯỜNG BAY MỚI

Điều 9. Quyết định chấp thuận hỗ trợ đầu tư

1. Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về mở đường bay mới, sau đó gửi 05 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư về Sở Du lịch, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, 04 bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ các nội dung theo quy định tại mục 3, Chương II, Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

b) Giấy phép hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng không theo quy định.

c) Cam kết của doanh nghiệp về thời gian bắt đầu khai thác, tần suất bay, loại máy bay khai thác, thời gian duy trì đường bay và cam kết có trách nhiệm bồi hoàn kinh phí hỗ trợ nếu không duy trì khai thác đường bay mới theo cam kết.

d) Phương án tuyên truyền, quảng bá đường bay mới của doanh nghiệp, trong đó làm rõ nội dung đề nghị tỉnh hỗ trợ theo quy định kèm theo các thông tin, tài liệu giới thiệu về đường bay mới do doanh nghiệp khai thác phục vụ công tác hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch chủ trì, phối hợp cùng các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải và các sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chấp thuận hỗ trợ đầu tư.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chấp thuận hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

4. Căn cứ Quyết định chấp thuận hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Du lịch ký kết hợp đồng với doanh nghiệp đầu tư mở đường bay mới theo các nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận và theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Thanh toán khoản hỗ trợ

1. Sau khi ký kết hợp đồng với Sở Du lịch, doanh nghiệp đầu tư mở đường bay mới được tạm ứng tối đa 70% kinh phí hỗ trợ và được thanh toán hết số kinh phí hỗ trợ còn lại sau khi đáp ứng các điều kiện về tần suất bay, thời gian khai thác tối thiểu quy định tại Điều 13, Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND.

Căn cứ điều kiện thực tế, Sở Du lịch thanh toán tạm ứng cho doanh nghiệp theo quy định nhưng không vượt quá 70% kinh phí hỗ trợ.

2. Hồ sơ tạm ứng kinh phí hỗ trợ:

Hồ sơ được lập thành 02 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, 01 bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản đề nghị tạm ứng khoản hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

b) Quyết định chấp thuận hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hợp đồng về khai thác đường bay giữa Sở Du lịch và doanh nghiệp khai thác đường bay mới.

3. Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ còn lại:

Hồ sơ được lập thành 02 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, 01 bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

b) Các tài liệu chứng minh về tần suất bay, thời gian khai thác đối với đường bay mới.

Mục 3

HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 11. Hỗ trợ thành lập mới doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp về Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi đăng ký thành lập mới và hoàn thành các nội dung bao gồm: nộp lệ phí đăng

ký doanh nghiệp; phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; phí khắc dấu doanh nghiệp; kinh phí làm biển hiệu cho các doanh nghiệp; nộp lệ phí môn bài trong năm đầu tiên. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Bản đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

b) Các hóa đơn, chứng từ liên quan (bản photo có chứng thực).

2. Hàng quý (trước ngày mùng 5 của tháng cuối cùng), Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan họp thẩm định, tham mưu UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị hỗ trợ cho doanh nghiệp thành lập mới của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho các doanh nghiệp thông qua tài khoản của doanh nghiệp.

Điều 12. Hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp

Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và định hướng phát triển kinh tế xã hội của HĐND, UBND tỉnh, Hội Doanh nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo khởi sự doanh nghiệp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đã được quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư hoặc đã được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các chính sách đó cho thời gian còn lại.

2. Các dự án hoàn thành đưa vào hoạt động từ năm 2015 đến nay nhưng chưa được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh, được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

3. Các dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động trước năm 2015, nếu đầu tư thêm các hạng mục đầu tư mới đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định này, được UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ ưu đãi đầu tư theo Quy định này.

Điều 14. Giải quyết kiến nghị

1. Theo thẩm quyền của mình, các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết các kiến nghị của cá nhân, doanh nghiệp. Việc giải quyết kiến nghị được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, nếu nội dung

kiến nghị phức tạp, thời hạn được kéo dài nhưng không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị.

2. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, trong thời hạn 3 ngày làm việc các cơ quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển đến.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư và quyết định bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo quy định.

b) Tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn theo các nội dung hỗ trợ tại Quy định này trừ các nội dung hỗ trợ thuộc nhiệm vụ tham mưu của Sở Tài chính quy định tại khoản 2, Điều này.

c) Tổng hợp nhu cầu kinh phí về hỗ trợ khởi nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 18, Mục 4, Chương II, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán hàng năm để thực hiện.

d) Lòng ghép giới thiệu về Cảng hàng không Đồng Hới, các đường bay mới và hỗ trợ Doanh nghiệp mở đường bay mới phát tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về đường bay mới trong các hội nghị xúc tiến đầu tư của tỉnh.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý đầu tư theo phân cấp của UBND tỉnh và theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ tại Mục 3, Mục 4, Chương II Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Du lịch thẩm định hỗ trợ đầu tư; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

3. Sở Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực du lịch; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực du lịch.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận hỗ trợ doanh nghiệp mở đường bay mới; ký kết hợp đồng với doanh nghiệp mở đường bay mới, theo dõi, giám sát việc thực



hiện cam kết của doanh nghiệp và thực hiện các thủ tục thanh toán khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp theo quy định.

c) Tổng hợp nhu cầu kinh phí về hỗ trợ mở đường bay mới theo quy định tại Mục 3, Chương II, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán hàng năm để thực hiện.

d) Chủ trì, phối hợp với Doanh nghiệp mở đường bay mới, các công ty lữ hành, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch quảng bá đường bay, quảng bá điểm đến trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; lồng ghép giới thiệu về Cảng hàng không Đồng Hới, các đường bay mới và hỗ trợ Doanh nghiệp mở đường bay mới phát tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về đường bay mới trong các hội chợ du lịch trong nước và quốc tế và các hoạt động xúc tiến đầu tư khác.

4. Cục Thuế tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các thủ tục và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc miễn, giảm thuế; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước cho doanh nghiệp được hưởng ưu đãi.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:


Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định việc thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo lao động.

6. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền giới thiệu đường bay, hãng bay, các chương trình tham quan, du lịch liên quan đến đường bay trên truyền thanh, truyền hình, internet, điện thoại di động, hộp thư điện tử; làm việc với các doanh nghiệp quản lý dịch vụ điện thoại di động, hộp thư điện tử để được hỗ trợ quảng bá theo quy định.

b) Lồng ghép giới thiệu về Cảng Hàng không Đồng Hới, các đường bay mới và hỗ trợ Doanh nghiệp mở đường bay mới phát tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về đường bay mới trong các Hội nghị giao ban báo chí thường kỳ của tỉnh.

7. Sở Ngoại vụ:

Lồng ghép việc phát tài liệu tuyên truyền, giới thiệu về Cảng Hàng không Đồng Hới và đưa nội dung mở đường bay mới vào các buổi làm việc trong các chương trình công tác của lãnh đạo tỉnh với các đối tác nước ngoài, tại các địa phương có quan hệ hợp tác, kết nghĩa với Quảng Bình, tại các hội nghị giao ban ngành, hội nghị quốc tế. 

8. Sở Văn hoá và Thể thao:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao.

b) Lòng ghép việc giới thiệu, tuyên truyền về Cảng Hàng không Đồng Hới trong các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của tỉnh.

9. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Chủ trì xác nhận danh sách đóng bảo hiểm xã hội của lao động doanh nghiệp tại cơ quan bảo hiểm xã hội; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định việc thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo lao động.

10. Ban Quản lý Khu kinh tế:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hỗ trợ đầu tư cho các dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp; thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý đầu tư theo phân cấp của UBND tỉnh và theo quy định hiện hành.

11. Hội Doanh nghiệp tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo khởi sự doanh nghiệp.

b) Tổng hợp nhu cầu kinh phí về hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18, Mục 4, Chương II, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán hàng năm để thực hiện.

12. Hiệp hội Du lịch tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Du lịch, các doanh nghiệp mở đường bay mới thực hiện các chương trình quảng bá, xúc tiến liên quan đến đường bay.

b) Chủ trì chỉ đạo các Hội viên xây dựng và thực hiện các chương trình phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch và đề xuất các chính sách kích cầu như hỗ trợ giá buồng, phòng và các dịch vụ khác cho khách trên các chuyến bay.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh:

Đăng tải thông tin tuyên truyền về hoạt động khai trương, mở đường bay mới của Doanh nghiệp mở đường bay tới Cảng Hàng không Đồng Hới trên Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, các ấn phẩm của Báo Quảng Bình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

14. Các Sở, ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư trên địa bàn, có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương giải quyết nhanh chóng các thủ tục, các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại văn bản này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về mặt thủ tục, chính sách của Chính phủ và có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hoài

CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số: /2017/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TÊN DOANH NGHIỆP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày ... tháng ... năm ...

BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP

Kính gửi:
Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp).....
Loại hình doanh nghiệp: (Theo Luật Doanh nghiệp).....
Ngành nghề kinh doanh:.....
Trụ sở chính:.....
Điện thoại:.....Fax.....
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số/ Quyết định chủ trương đầu tư..... do cấp ngày tháng năm
Tài khoản giao dịch số:..... mở tại.....

I. Đăng ký thực hiện dự án với nội dung sau:

1. Tên Dự án:.....
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện Dự án:
4. Mục tiêu và quy mô của dự án:
5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:
6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:
7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....
8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:.....

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư theo (Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

1. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

| TT | Nội dung | Số tiền | Thời gian hỗ trợ (năm) | Ghi chú |
|-----|----------|---------|------------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

....., ngày tháng ... năm

**Chức danh người đại diện DN
(ký tên - đóng dấu)**

Hồ sơ kèm theo:

PHỤ LỤC II

Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số: /2017/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Bình)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án) đến ngày.....tháng.....năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư thứ nhất:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

b) Nhà đầu tư tiếp theo:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

2. Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp dự án):

- Tên doanh nghiệp:
- Các thông tin để giao dịch (địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ email...):
- Đăng ký kinh doanh (số, ngày, nơi cấp):
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
- Vốn điều lệ:
- Vốn pháp định (nếu có):

3. Dự án đầu tư:

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện:

- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
- Diện tích đất sử dụng:
- Mục tiêu, quy mô:
- Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:
- Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án:
- Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):
- Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có):
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có):
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ:
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư:

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):

a) Tiến độ góp vốn:

| STT | Loại vốn | Số vốn góp trong kỳ | Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo |
|-----|---------------|---------------------|---|
| 1 | Vốn đầu tư | | |
| 2 | Vốn điều lệ | | |
| 3 | Vốn pháp định | | |

b) Nguồn vốn:

| STT | Nguồn vốn | Số vốn góp trong kỳ | Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo |
|-----|---|---------------------|---|
| 1 | Vốn chủ sở hữu | | |
| 2 | Vốn vay các tổ chức tín dụng | | |
| 3 | Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm | | |
| 4 | Nguồn vốn huy động khác | | |
| | Cộng | | |

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

III. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh:

- Tình hình sử dụng lao động (*số lượng, cơ cấu trình độ*) đến thời điểm báo cáo.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động (*luong, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...*).
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
- Tình hình lợi nhuận (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo*).
- Sơ bộ tình hình tài chính doanh nghiệp (*nợ ngắn hạn, nợ dài hạn,..., phân tích, đánh giá so với kỳ báo cáo trước liền kề*).

2. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

3. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

4. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (nếu có)

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC III

Bản đề nghị tạm ứng/thanh toán khoản hỗ trợ của doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số: /2017/QĐ-UBND ngày ...
tháng..... năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TÊN DOANH NGHIỆP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày ... tháng ... năm ...
V/v tạm ứng (thanh toán)
kinh phí

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số.../2017/QĐ-UBND ngày.... tháng.... năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh .

Căn cứ Quyết định chủ trương hỗ trợ đầu tư số ngàycủa Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với doanh nghiệp...

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp).....

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số tại

Lý do tạm ứng (thanh toán):

Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

| TT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|------------|-----------------|----------------|----------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

Số tiền đề nghị tạm ứng (thanh toán):.....(Viết bằng chữ):

Nơi nhận:

....., ngày tháng ... năm

Chức danh người đại diện DN
(ký tên - đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo: